TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/DS-ST
Ngày: 01 - 6 - 2021
(V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG – TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phan Bá Bảy

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Trần Đình Long

Ông Y Míp Niê

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lương Công Hà – Thư ký TAND huyện Krông Năng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên toà:*

Bà Lê Trịnh Xuân Trang - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Kông Năng tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 199/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2021/QĐST-DS ngày 12/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: Số 35 Hàng V, Quận Hoàn K, Thành Phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Hà H

Chức vụ: Quyền Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Cao T, có mặt

Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch K – Chi nhánh B (nay là Chi nhánh B).

Địa chỉ: Số 105 đường Nguyễn Tất T, TT. K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kim A, vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Xuân T, xã Phú X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Văn P, vắng mặt

Chị Nguyễn Thị P, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn Xuân T, xã Phú X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2020, lời khai tại Tòa án và lời trình bày tại phiên tòa của đại diện nguyên đơn:

Vào ngày 28/02/2018 bà Trần Thị Kim A thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2018/6963850/HĐTD với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ để vay số tiền 237.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng tính từ ngày vay, mức lãi suất trong hạn 11%/năm, mức lãi suất quá hạn bằng 150% so với mức lãi suất trong hạn, mục đích vay để tiêu dùng gia đình. Tính đến ngày 28/11/2018 bà Trần Thì Kim A đã trả được số tiền lãi 19.544.331 đồng.

Vào ngày 12/12/2018 bà Trần Thị Kim A thỏa thuận ký kết tiếp Hợp đồng tín dụng số 03/2018/6963850/HĐTD với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ để vay số tiền 110.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng tính từ ngày vay, mức lãi suất trong hạn 10,9%/năm, mức lãi suất quá hạn bằng 150% so với mức lãi suất trong hạn, mục đích vay để đầu tư, chăm sóc cây cà phê và đầu tư trồng cây hồ tiêu.

Để đảm bảo cho các khoản vay bà Trần Thị Kim A có thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/6963850/HĐBĐ ngày 16/3/2017 gồm: thửa đất số 58, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.690m2, giấy CNQSD đất số P148007, cấp ngày 30/12/1999 mang tên Nguyễn Văn B (nay đã thừa kế cho bà Trần Thị Kim A) và thửa đất số 292, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.465m2, giấy CNQSD đất số CE312840, cấp ngày 29/9/2016 mang tên bà Trần Thị Kim A.

Nay cả 02 hợp đồng tín dụng đều đã quá hạn trả nợ nhưng bà A vẫn không trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Kim A phải trả nợ cho Ngân hàng số nợ gốc 347.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo 02 hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Trường hợp bà A không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý số tài sản mà bà A đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Kim A trong quá trình giải quyết vụ án bà A có lời khai trình bày:

Bà Trần Thị Kim A công nhận hiện nay bà A còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền gốc 347.000.000 đồng và lãi suất phát sinh, theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/6963850/HĐTD ngày 28/02/2018 và hợp đồng tín dụng số 03/2018/6963850/HĐTD ngày 12/12/2018 mà bà A đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Số tài sản mà bà A thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ là Quyền sử dụng đất + tài sản gắn liền trên đất theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/6963850/HĐBĐ ngày 16/3/2017 gồm: thửa đất số 58, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.690m2, giấy CNQSD đất số P148007, cấp ngày 30/12/1999 mang tên Nguyễn Văn B (nay đã thừa kế cho bà Trần Thị Kim A) và thửa đất số 292, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.465m2, giấy CNQSD đất số CE312840, cấp ngày 29/9/2016 mang tên bà Trần Thị Kim A. Nay đã quá hạn trả nợ nhưng bà A không có khả năng trả nợ, nên đề nghị Tòa án giải

quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Nguyễn Thị P trong quá trình giải quyết vụ án có lời khai trình bày:

Việc bà Trần Thị Kim A (mẹ chị P) vay tiền của Ngân hàng chị Nguyễn Thị P không biết, không sử dụng; bà A vay tiền của Ngân hàng về để đầu tư trồng cây hồ tiêu. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà A trả nợ cho Ngân hàng thì chị P không có ý kiến gì mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp bà A không trả được nợ cho Ngân hàng mà Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản mà bà A thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ thì chị P đồng ý; không có ý kiến, yêu cầu gì.

+ Anh Nguyễn Văn P mặc dù Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đại diện cho nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng các quy định tại Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc 347.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Trường hợp bị đơn không trả hết nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, mặc dù đã được Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào lời khai của đương sự và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/6963850/HĐTD ngày 28/02/2018; Hợp đồng tín dụng số 03/2018/6963850/HĐTD ngày 12/12/2018 và hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/6963850/HĐBĐ ngày 16/03/2017 + Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/6963850/SĐBS ngày 10/01/2018 mà bà A đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, đã có đủ căn cứ khẳng định: Vào ngày 28/02/2018 bà A có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền gốc 237.000.000 đồng; Ngày 12/12/2018 bà A vay tiếp số tiền 110.00.000 đồng. Tổng số tiền gốc bà A vay 02 lần (theo 02 hợp đồng) là 347.000.000 đồng. Để đảm bảo cho việc trả nợ bà A thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ quyền sử dụng đất + tài sản gắn liền trên đất theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/6963850/HĐBĐ ngày 16/3/2017 gồm: thửa đất số 58, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.690m2, giấy CNQSD đất số P148007, cấp ngày 30/12/1999 mang tên Nguyễn Văn B (nay đã thừa kế cho bà Trần Thị Kim A) và thửa đất số 292, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.465m2, giấy CNQSD đất số CE312840, cấp ngày 29/9/2016 mang tên bà Trần Thị Kim A. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng bà A vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, bà A đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, buộc bà A phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền gốc 347.000.000 đồng và tổng số tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm (01/6/2021) là 137.951.238. Cụ thể:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2018/6963850/HĐTD ngày 28/02/2018:

Tiền gốc 237.000.000 đồng + tiền lãi phát sinh 96.942.711 đồng;

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số 03/2018/6963850/HĐTD ngày 12/12/2018:

Tiền gốc 110.000.000 đồng + tiền lãi phát sinh 41.008.527 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà bà Trần Thị Kim A phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đến ngày xét xử sơ thẩm (01/6/2021) là 484.951.238 đồng.

Ngoài số tiền trên bà A còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 02/6/2021 cho đến khi bà A thi hành án xong, theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2018/6963850/HĐTD ngày 28/02/2018 và Hợp đồng tín dụng số 03/2018/6963850/HĐTD ngày 12/12/2018.

Trường hợp bị đơn không trả hết nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại giấy CNQSD đất cho bị đơn sau khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Buộc bà Trần Thị Kim A phải trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền 484.951.238 đồng (Trong đó: Hợp đồng tín dụng số 01/2018/6963850/HĐTD ngày 28/02/2018 số tiền gốc 237.000.000 đồng + tiền lãi phát sinh 96.942.711 đồng; Hợp đồng tín dụng số 03/2018/6963850/HĐTD ngày 12/12/2018 số tiền gốc 110.000.000 đồng + tiền lãi phát sinh 41.008.527 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/6/2021) cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Kim A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2018/6963850/HĐTD ngày 28/02/2018 và Hợp đồng tín dụng số 03/2018/6963850/HĐTD ngày 12/12/2018.

Sau khi bà Trần Thị Kim A trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đthì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Thị Kim A giấy CNQSD đất số P148007 cấp ngày 30/12/1999 mang tên Nguyễn Văn B (nay đã thừa kế cho bà Trần Thị Kim A) và giấy CNQSD đất số CE312840 cấp ngày 29/9/2016 mang tên Trần Thị Kim A.

Trường hợp bà Trần Thị Kim A không trả hoặc trả không hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu xử lý số tài sản mà bà Trần Thị Kim A đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2017/6963850/HĐBĐ ngày 16/3/2017 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bà Trần Thị Kim A phải nộp 23.398.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngach.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 10.633.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2019/0014963 ngày 02/10/2020.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phan Bá Bảy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THA dân sự huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.